TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HSST
Ngày 18 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2025/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HS ngày 02/6/2025 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1994, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Kinh Doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Trần Thị M; vợ: Phạm Thị Ngọc D; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị M, sinh năm 1974 trú tại thôn 1, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2/ Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1996 trú tại thôn 1, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3/ Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1992 trú tại thôn L 3, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH kinh doanh TMDV vận tải Nam S (viết tắt là Công ty Nam S) được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, đăng ký lần đầu ngày 29/4/2022, mã số doanh nghiệp 2500682393. Người đại diện pháp theo luật của công ty, chức danh Giám đốc là Trần Văn H.

Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải Duy Anh (viết tắt là Công ty Duy Anh) được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, đăng ký lần đầu ngày 22/12/2023, mã số doanh nghiệp 2500712129. Người đại diện theo pháp luật của công ty, chức danh Giám đốc là Phạm Thị Ngọc D (vợ của Trần Văn H). Ngày 22/02/2024, Công ty Duy Anh đổi tên thành Công ty TNHH dịch vụ thương mại vận tải Hồng Ánh (viết tắt là Công ty Hồng Ánh), thay đổi người đại diện pháp luật của công ty, chức danh Giám đốc là Trần Thị M (mẹ đẻ của Trần Văn H). Thực tế Trần Văn H là người thành lập và điều hành hoạt động công ty, còn bà M và chị D chỉ đứng tên, không tham gia vào hoạt động của công ty.

Để thực hiện hoạt động của công ty Trần Văn H thuê chị Lê Thị Đ, làm kế toán cho Công ty Nam S và Công ty Duy Anh. Chị Đ được giao nhiệm vụ lập hồ sơ, sổ sách kế toán; thực hiện kê khai, quyết toán thuế đối với 02 công ty theo phương pháp khấu trừ thuế tại Chi cục thuế khu vực Vĩnh Tường (nay là Đội Thuế liên huyện Vĩnh Tường).

Từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2024, Trần Văn H trực tiếp mua 207.040m^3 cát các loại trôi nổi trên Sông Hồng, Sông Đà của các cá nhân không rõ thông tin (Hà không biết họ tên, lai lịch, không lưu số điện thoại, không nhớ biển số tàu hàng của các cá nhân bán cát cho Hà) việc mua bán trên được thanh toán bằng tiền mặt, không có hóa đơn, giấy tờ chứng minh nguồn gốc. Để hợp thức 207.040m^3 cát không có hóa đơn, Hà đã liên hệ với một số lái tàu trên sông (không nhớ rõ là ai) và được giới thiệu người bán hóa đơn là một người phụ nữ sinh sống ở Hà Nội (Hà không còn nhớ tên, không còn lưu số điện thoại và các thông tin cá nhân của người phụ nữ bán hóa đơn). Hà trực tiếp xuống Hà Nội trao đổi, đặt vấn đề mua hóa đơn với người phụ nữ trên. Người phụ nữ cung cấp cho Hà một số giấy tờ liên quan để Hà yên tâm mua hóa đơn như: Giấy phép mỏ, hợp đồng đầu vào của bên bán hóa đơn,.... Trong đó có: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn thời gian khai thác) số 239/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 ghi đơn vị cấp là UBND tỉnh Phú Thọ (bản sao); Quyết định chủ chương đầu tư số 239/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 ghi đơn vị cấp là UBND tỉnh Phú Thọ (bản sao) đều cấp cho Công ty TNHH Phùng Hải có dấu hiệu làm giả. Hà không biết các giấy tờ trên là giấy tờ giả hay thật. Khi mua hóa đơn, bên bán hóa đơn giao

cho Hà những tài liệu này kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). Qua trao đổi về giá bán hóa đơn, việc thanh toán tiền bán hóa đơn, việc giao nhận hóa đơn và các nội dung liên quan khác, Hà đã đồng ý mua hóa đơn của người phụ nữ với giá 10 % (Mười phần trăm) tổng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn (bao gồm cả tiền thuế GTGT). Khi có nhu cầu mua hóa đơn, Hà là người cung cấp các thông tin để viết hóa đơn như: Tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, đơn vị mua hàng, số tài khoản, tổng tiền hàng… cho người phụ nữ để người này lập hóa đơn và hoàn thiện các thủ tục liên quan. Hóa đơn, chứng từ kèm theo mỗi lần mua hóa đơn được giao nhận bằng một số cách như: Hà thuê người lái xe taxi xuống Hà Nội nhận trực tiếp; một số lần người phụ nữ bán hóa đơn gửi tàu hàng chuyển về cho Hà hoặc cho người mang trực tiếp xuống cho Hà.

Thông qua người phụ nữ không rõ lai lịch, Hà đã liên hệ mua 42 hóa đơn GTGT (không có hàng hóa thật kèm theo hóa đơn), cụ thể: Đơn vị mua hàng là Công ty Nam S, Công ty Duy Anh do Hà quản lý; đơn vị bán hàng là 04 công ty gồm: Công ty TNHH đầu tư phát triển dịch vụ Nam Thắng (viết tắt Công ty Nam Thắng), mã số thuế: 0109605934, địa chỉ trụ sở: xóm 2, thôn Quế Lâm, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Công ty TNHH Nam Tùng Global (viết tắt Công ty Nam Tùng), mã số thuế: 0109592097, địa chỉ trụ sở: cụm 7, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Công ty TNHH vận tải xây dựng Cung Nhiên (viết tắt Công ty Cung Nhiên), mã số thuế: 0109949205, địa chỉ trụ sở: TDP My Kỳ, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Phùng Hải (viết tắt Công ty Phùng Hải), mã số thuế: 0108841047, địa chỉ trụ sở: tầng 2, số 381 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; ghi khống mặt hàng là cát các loại với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là: 19.444.000.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 1.944.400.000 đồng, tổng số tiền phải thanh toán ghi trên 42 hóa đơn là 21.388.400.000 đồng, trong đó:

- Từ ngày 09/9/2022 đến ngày 21/02/2023: Mua 13 hóa đơn GTGT có tên đơn vị mua hàng là Công ty Nam S, đơn vị bán hàng là Công ty Nam Thắng ghi khống mặt hàng cát xây dựng, cát đen, cát bê tông với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là 6.489.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 648.900.000 đồng, tổng tiền phải thanh toán là 7.137.900.000 đồng.

- Từ ngày 16/3/2023 đến ngày 21/8/2023: Mua 18 hóa đơn GTGT có tên mua hàng là Công ty Nam sơn, đơn vị bán hàng là Công ty Nam Tùng ghi khống mặt hàng là cát xây dựng, cát đen, cát bê tông với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là 8.055.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 805.500.000 đồng, tổng tiền phải thanh toán là 8.860.500.000 đồng.

- Từ ngày 13/9/2023 đến ngày 15/11/2023: Mua 07 hóa đơn GTGT có tên đơn vị mua hàng là Công ty Nam sơn, đơn vị bán hàng là Công ty Cung Nhiên ghi khống mặt hàng là cát xây dựng, cát đen, cát bê tông với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là 3.460.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 346.000.000 đồng, tổng tiền phải thanh toán là 3.806.000.000 đồng.

- Tháng 01/2024: Mua 04 hóa đơn GTGT có tên đơn vị bán hàng là Công ty Phùng Hải ghi khống mặt hàng là cát xây trát với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là 1.440.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 144.000.000 đồng, tổng tiền phải thanh toán là 1.584.000.000 đồng. Trong 04 hóa đơn trên có 01 hóa đơn có đơn vị mua hàng là Công ty Duy Anh, 03 hóa đơn có đơn vị mua hàng là Công ty Nam S.

Sau khi mua 42 hóa đơn trên Hà đã chỉ đạo kế toán là Lê Thị Đ sử dụng 41/42 hóa đơn trên để kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, 01/42 hóa đơn còn lại có ghi đơn vị bán hàng là Công ty Cung Nhiên, đơn vị mua hàng là Công ty Nam S thì Hà chưa sử dụng kê khai thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (hóa đơn số 71 ngày 15/11/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 50.000.000 đồng), việc chưa kê khai trên là do Hà quên không đưa hóa đơn cho kế toán để thực hiện kê khai. Trong số 41 hóa đơn đã kê khai thì Hà đã chỉ đạo kế toán Lê Thị Đ kê khai điều chỉnh giảm tất cả 04 hóa đơn GTGT đơn vị bán hàng là Công ty Phùng Hải (04 hóa đơn kê khai điều chỉnh gồm: hóa đơn số 1 ngày 03/01/2024, tiền hàng là 600.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 60.000.000 đồng; hóa đơn số 2 ngày 08/01/2024, tiền hàng là 240.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 24.000.000 đồng; hóa đơn số 3 ngày 10/01/2024, tiền hàng là 300.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 30.000.000 đồng; hóa đơn số 5 ngày 11/01/2024, tiền hàng là 300.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 30.000.000 đồng), việc kê khai điều chỉnh giảm thể hiện tại Tờ khai thuế GTGT, kỳ khai thuế Quý 1/2024 (nộp bổ sung lần 1). Khi kê khai điều chỉnh giảm thì các hóa đơn này không được khấu trừ tiền thuế GTGT.

Như vậy đối với 42 hóa đơn GTGT Hà mua nêu trên có 05 hóa đơn GTGT (01 số hóa đơn không kê khai và 04 số hóa đơn kê khai điều chỉnh giảm) không được khấu trừ tiền thuế GTGT. Còn lại 37 hóa đơn với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 17.504.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.750.400.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 19.254.400.000 đồng được khấu trừ toàn bộ tiền thuế GTGT đầu vào là 1.750.400.000 đồng.

Cụ thể 37 số hóa đơn nêu trên gồm: 13 hóa đơn ghi đơn vị bán hàng là Công ty Nam Thắng, 18 hóa đơn GTGT ghi đơn vị bán hàng là Công ty Nam

Tùng, 06 hóa đơn GTGT ghi đơn vị bán hàng là Công ty Cung Nhiên, số liệu kê khai đối với 37 hóa đơn này cụ thể như sau:

(1) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 106 ghi ngày 09/9/2022, tiền hàng là 240.000.000 đồng, thuế GTGT là 24.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 3/2022).

(2) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 107 ghi ngày 04/10/2022, tiền hàng là 509.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.900.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(3) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 108 ghi ngày 14/10/2022, tiền hàng là 750.000.000 đồng, thuế GTGT là 75.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(4) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 112 ghi ngày 24/11/2022, tiền hàng là 382.500.000 đồng, thuế GTGT là 38.250.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(5) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 113 ghi ngày 25/11/2022, tiền hàng là 382.500.000 đồng, thuế GTGT là 38.250.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(6) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 115 ghi ngày 25/11/2022, tiền hàng là 105.000.000 đồng, thuế GTGT là 10.500.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(7) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 122 ghi ngày 16/12/2022, tiền hàng là 750.000.000 đồng, thuế GTGT là 75.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(8) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TNT số 129 ghi ngày 28/12/2022, tiền hàng là 870.000.000 đồng, thuế GTGT là 87.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 4/2022).

(9) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 5 ghi ngày 12/01/2023, tiền hàng là 550.000.000 đồng, thuế GTGT là 55.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(10) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 10 ghi ngày 13/02/2023, tiền hàng là 200.000.000 đồng, thuế GTGT là 20.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(11) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 13 ghi ngày 20/02/2023, tiền hàng là 650.000.000 đồng, thuế GTGT là 65.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(12) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 14 ghi ngày 20/02/2023, tiền hàng là 450.000.000 đồng, thuế GTGT là 45.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(13) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 15 ghi ngày 21/02/2023, tiền hàng là 650.000.000 đồng, thuế GTGT là 65.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Thắng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(14) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 14 ghi ngày 16/3/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(15) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 20 ghi ngày 25/3/2023, tiền hàng là 750.000.000 đồng, thuế GTGT là 75.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(16) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 24 ghi ngày 31/3/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 1/2023).

(17) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 35 ghi ngày 17/4/2023, tiền hàng là 420.000.000 đồng, thuế GTGT là 42.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(18) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 42 ghi ngày 04/5/2023, tiền hàng là 450.000.000 đồng, thuế GTGT là 45.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(19) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 46 ghi ngày 09/5/2023, tiền hàng là 300.000.000 đồng, thuế GTGT là 30.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(20) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 53 ghi ngày 17/5/2023, tiền hàng là 420.000.000 đồng, thuế GTGT là 42.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(21) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 57 ghi ngày 29/5/2023, tiền hàng là 300.000.000 đồng, thuế GTGT là 30.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(22) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 58 ghi ngày 30/5/2023, tiền hàng là 300.000.000 đồng, thuế GTGT là 30.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(23) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 64 ghi ngày 05/6/2023, tiền hàng là 460.000.000 đồng, thuế GTGT là 46.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(24) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 74 ghi ngày 23/6/2023, tiền hàng là 400.000.000 đồng, thuế GTGT là 40.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(25) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 77 ghi ngày 26/6/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(26) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 86 ghi ngày 29/6/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 2/2023).

(27) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 103 ghi ngày 20/7/2023, tiền hàng là 550.000.000 đồng, thuế GTGT là 55.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(28) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 106 ghi ngày 21/7/2023, tiền hàng là 450.000.000 đồng, thuế GTGT là 45.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(29) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 114 ghi ngày 25/7/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(30) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 136 ghi ngày 21/8/2023, tiền hàng là 255.000.000 đồng, thuế GTGT là 25.500.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(31) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TNT số 137 ghi ngày 21/8/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Nam Tùng (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(32) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TCN số 11 ghi ngày 13/9/2023, tiền hàng là 460.000.000 đồng, thuế GTGT là 46.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Cung Nhiên (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(33) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TCN số 9 ghi ngày 12/9/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Cung Nhiên (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(34) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TCN số 6 ghi ngày 11/9/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Cung Nhiên (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(35) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TCN số 16 ghi ngày 19/9/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Cung Nhiên (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(36) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TCN số 27 ghi ngày 28/9/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Cung Nhiên (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

(37) Hóa đơn GTGT ký hiệu 1C23TCN số 32 ghi ngày 30/9/2023, tiền hàng là 500.000.000 đồng, thuế GTGT là 50.000.000 đồng, đơn vị bán hàng hóa là Công ty Cung Nhiên (kỳ kê khai thuế quý 3/2023).

37 hóa đơn nêu trên được kê khai khấu trừ thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào tại kỳ tính thuế quý 3,4/2022 và quý 1,2,3/2023 đối với Công ty Nam S và đã được khấu trừ toàn bộ tiền thuế ghi trên 37 hóa đơn với tổng số tiền là 1.750.400.000 đồng.

Để đủ điều kiện khấu trừ tiền thuế ghi trên các hóa đơn (đối với hóa đơn có giá trị thanh toán lớn, trên 20.000.000 đồng), thì việc thanh toán tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản nên Hà đã cùng với bên bán hóa đơn hợp thức thủ tục thanh toán tiền qua Ngân hàng (chưa thực hiện hợp thức đối với số hóa đơn ghi đơn vị mua hàng là Công ty Duy Anh), cụ thể: Hà nộp tiền mặt vào tài khoản số 688613819999 của Công ty Nam S mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (số tiền này do bên bán hóa đơn đưa hoặc của Hà). Sau đó Hà chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Nam S đến tài khoản số 12346868688 của Công ty Nam Thắng mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu; tài khoản số 296629666 của Công ty Nam Tùng mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu; tài khoản số 2226662888 của Công ty Cung Nhiên mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu; tài khoản số 86922228888 của Công ty Phùng Hải mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu. Trường hợp sử dụng tiền của bên bán hóa đơn để hợp thức việc thanh toán thì tiền mua hóa đơn Trần Văn H thanh toán bằng tiền mặt cho bên bán hóa đơn; trường hợp Trần Văn H sử dụng tiền cá nhân để hợp thức việc thanh toán thì sau khi thanh toán bên bán hóa đơn rút tiền mặt và tự giữ lại tiền bán hóa đơn, số tiền thừa còn lại bên bán hóa đơn chuyển lại cho Hà bằng tiền mặt. Hà đã cùng với bên bán hóa đơn làm thủ tục hợp thức việc chuyển khoản qua ngân hàng đối với 40/42 hóa đơn GTGT, riêng đối với 02 hóa đơn GTGT số 3 ngày 10/01/2024, số 5 ngày 11/01/2025 ghi đơn vị bán hàng là Công ty Phùng Hải thì

Trần Văn H với bên bán hóa đơn chưa làm thủ tục hợp thức thanh toán qua ngân hàng.

Việc hợp thức thanh toán qua ngân hàng cụ thể như sau:

+ Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 18/4/2023: Công ty Nam S 18 lần chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Nam S nêu trên đến số tài khoản số 12346868688 của Công ty Nam Thắng mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Văn Phú, Hà Nội với tổng số tiền 7.137.899.998 đồng;

+ Từ ngày 13/6/2023 đến ngày 22/9/2023: Công ty Nam S 19 lần chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Nam S nêu trên đến số tài khoản số 296629666 của Công ty Nam Tùng mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Trần Duy Hưng, Hà Nội với tổng số tiền 8.860.500.000 đồng;

+ Trong ngày 23/11/2023 và ngày 24/11/2023: Công ty Nam S 08 lần chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Nam S nêu trên đến số tài khoản số 2226662888 của Công ty Cung Nhiên mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Trần Duy Hưng, Hà Nội với tổng số tiền 3.806.000.000 đồng;

+ Trong ngày 10/01/2024: Công ty Nam S 03 lần chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Nam S nêu trên đến số tài khoản số 86922228888 của Công ty Phùng Hải mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu với tổng số tiền 924.000.000 đồng;

Tiền mua hóa đơn Trần Văn H đã trả cho bên bán là 10% trên tổng số tiền thanh toán (bao gồm cả tiền thuế GTGT) = 2.138.840.000 đồng (21.388.400.000 đồng x 10%).

Ngoài việc mua 42 hóa đơn nêu trên để sử dụng kê khai khấu trừ thuế, Trần Văn H không mua, bán hóa đơn nào khác. Toàn bộ việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ với các doanh nghiệp khác là phát sinh thực tế, đúng với số lượng, chủng loại và tổng tiền thanh toán đã ghi trên hợp đồng và hóa đơn bán hàng; việc mua bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hợp đồng, hóa đơn bán hàng, thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng và bằng tiền mặt.

Ngày 09/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc tạm giữ số tiền 500.000.000 đồng do Trần Văn H tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả. Số tiền này đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VIII theo quy định.

Xác minh tại Chi cục thuế Khu vực Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đại diện Chi cục thuế cung cấp hồ sơ pháp lý và số liệu kê khai, quyết toán thuế của Công ty Nam S, Công ty Duy Anh (hay Công ty Hồng Ánh) từ Quý II năm 2022

đến hết quý I năm 2024. Qua tài liệu cung cấp xác định Công ty Nam S, Công ty Duy Anh đã sử dụng 41/42 hóa đơn GTGT trên để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trong đó đã được khấu trừ tiền thuế ghi trên 37 hóa đơn trên; các hóa đơn còn lại không được khấu trừ tiền thuế trên hóa đơn (do 01 hóa đơn không kê khai, 04 hóa đơn kê khai điều chỉnh giảm).

Xác minh về Công ty Nam Thắng:

Ngày 05/7/2024 tại Công an xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về hoạt động của Công ty TNHH đầu tư phát triển dịch vụ Nam Thắng, mã số thuế: 0109605934, địa chỉ trụ sở: xóm 2, thôn Quế Lâm, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Qua xác minh xác định không có Công ty nào có thông tin như trên hoạt động trên địa bàn. Đối với Nguyễn Văn Thăng, sinh năm 1992 là Giám đốc Công ty Nam Thắng, kết quả xác minh xác định không có ai có thông tin như trên cư trú, tạm trú trên địa bàn.

Ngày 08/7/2024 tại Trụ sở Công an thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng S, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh đối tượng có tên Nguyễn Văn Thăng, sinh năm 1992 trú tại tổ 3, khối 3, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng S là người đại diện pháp luật của Công ty Nam Thắng. Qua xác minh xác định Nguyễn Văn Thăng có hộ khẩu thường trú trên địa bàn thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng S. Tuy nhiên Thăng không sinh sống ở địa phương nhiều năm, không rõ Thăng đi đâu, làm gì.

Ngày 27/5/2024 tại Chi cục thuế huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về các thông tin hoạt động của Công ty Nam Thắng. Qua xác minh xác định, ngày 27/3/2023 Công ty Nam Tùng đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh; công ty không có đơn vị phụ thuộc, không đăng ký kho hàng, địa điểm kinh doanh; tình hình sử dụng hóa đơn, kê khai doanh thu trên hóa đơn điện tử và doanh thu trên tờ khai thuế GTGT tại Chi cục Thuế Phúc Thọ có sự chênh lệch. Ngày 29/9/2023 Chi cục Thuế huyện Phúc Thọ ban hành văn bản số 5830/CCT-Ktr về việc phối hợp kiểm soát doanh nghiệp có dấu hiệu rủi do về thuế.

Xác minh về Công ty Nam Tùng:

Ngày 05/7/2024 tại Công an xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về hoạt động của Công ty TNHH Nam Tùng Global, mã số thuế: 0109592097, địa chỉ trụ sở: cụm 7, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Qua xác minh xác định không có Công ty nào có thông tin như trên hoạt động trên địa bàn. Đối với Nguyễn Văn Hiếu, sinh năm 1984 là Giám đốc Công ty Nam Tùng, kết quả xác

minh xác định không có ai có thông tin như trên cư trú, tạm trú trên địa bàn. Ngày 05/7/2024 tại Công an xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về đối tượng Nguyễn Văn Hiếu, sinh năm 1984 trú tại thôn Văn Thái, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Qua xác minh xác định đối tượng Nguyễn Văn Hiếu thường xuyên không có mặt tại địa phương và lẩn tránh không làm việc với Cơ quan Công an theo yêu cầu.

Ngày 27/5/2024 tại Chi cục thuế huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về các thông tin hoạt động của Công ty Nam Tùng. Qua xác minh xác định ngày 20/9/2023 Công ty Nam Tùng đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh; hàng hóa mua vào của doanh nghiệp có trạng thái người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Ngày 10/10/2023, Chi cục Thuế huyện Phúc Thọ ban hành văn bản số 6050/CCT-KTR về việc phối hợp kiểm soát doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về thuế.

Xác minh về Công ty Cung Nhiên:

Ngày 07/6/2024 tại Chi Cục thuế khu vực Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành làm việc, yêu cầu Chi cục thuế cung cấp tài liệu, hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc cung cấp hóa đơn mua vào, bán ra của công ty Cung Nhiên từ ngày 11/9/2023 đến ngày 28/11/2023 và sao kê chi tiết từng hóa đơn GTGT. Qua xác minh xác định Công ty Cung Nhiên mua hàng hóa của các công ty có địa chỉ xa địa chỉ đăng ký hoạt động, mua hàng hóa và sử dụng hóa đơn của nhiều công ty mới thành lập sau đó bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh. Ngày 28/11/2023, Chi cục Thuế khu vực Phúc Yên ban hành Thông báo số 4948/TB-CCTKV về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Ngày 05/7/2024 tại trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về hoạt động của Công ty TNHH vận tải xây dựng Cung Nhiên (Công ty Cung Nhiên), mã số thuế: 0109949205, trụ sở tổ dân phố Mỹ Kỳ, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua xác minh xác định từ trước đến nay không có Công ty TNHH vận tải xây dựng Cung Nhiên có thông tin như trên hoạt động trên địa bàn.

Ngày 08/7/2024 tại Trụ sở UBND xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh đối tượng có tên Vũ Đức Vinh, sinh năm 1992 trú tại xóm 12, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định là người đại diện pháp luật của Công ty Cung Nhiên. Qua xác minh xác định Vũ Đức Vinh có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên khoảng từ đầu

tháng 01 năm 2024 đến nay Vinh không có mặt ở địa phương, không rõ Vinh đi đâu, làm gì.

Xác minh về Công ty Phùng Hải:

Ngày 16/01/2014 tại Trụ sở Công an phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh về hoạt động của Công ty TNHH Phùng Hải, mã số thuế: 0108841047, địa chỉ trụ sở: tầng 2, số 381 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Qua xác minh xác định bà Trần Thúy Hiền (người đại diện pháp luật của công ty) và nhân viên công ty Phùng Hải không thường xuyên làm việc tại trụ sở. Trụ sở làm việc chỉ có bàn làm việc không có cơ sở vật chất. Tại thời điểm xác minh trụ sở Công ty không có ai, không liên lạc được với bà Hiền.

Ngày 18/01/2024, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an yêu cầu Trần Văn H cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc mua bán hàng hóa với Công ty Phùng Hải. Trong đó bao gồm: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn thời gian khai thác) số 239/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ được chứng thực bản sao ngày 02/9/2018, Quyết định chủ chương đầu tư số 239/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ cấp cho Công ty TNHH Phùng Hải được chứng thực bản sao ngày 02/9/2018 tại UBND xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ ký tên Chủ tịch UBND xã Nguyễn Văn Cường. Tại biên bản làm việc ngày 04/4/2024 tại UBND xã Đồng Trung, huyện Thanh Thúy, tỉnh Phú Thọ, đại diện UBND xã cung cấp thông tin như sau: Từ năm 2020 đến nay tại UBND xã Đồng Trung, huyện Thanh Thúy, tỉnh Phú Thọ không có ai tên là Nguyễn Văn Cường giữ chức vụ là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã; UBND xã Đồng Trung không chứng thực bản sao nào ngày 02/9/2023 cho Công ty TNHH Phùng Hải.

Ngày 26/01/2024 tại Trụ sở Công an phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thanh phố Hà Nội, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh đối tượng Trần Thúy Hiền, sinh năm 1976, trú tại ngõ 7, TDP 4, phố Ao Sen, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là người đại diện pháp luật của Công ty Phùng Hải có dấu hiệu làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức. Qua xác minh xác định tại địa phương từ trước đến nay không thấy Trần Thúy Hiền sinh sống tại địa chỉ thường trú và xuất hiện tại địa phương.

Ngày 05/4/2024 tại trụ sở Phòng khoáng sản & TNN, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, Cục cảnh sát giao thông Bộ Công an tiến hành xác minh Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn thời gian khai thác) có số 239/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 và Quyết định chủ chương đầu tư có số 239/QĐ-UBND ngày 07/02/2020. Kết quả xác minh xác định UBND tỉnh Phú Thọ không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn thời gian khai thác) số

239/QĐ-UBND ngày 14/5/2023; Quyết định chủ chương đầu tư số 239/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Tại lòng sông Đà tại địa bàn xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, UBND tỉnh Phú Thọ có cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 10/3/2017, Giấy phép gia hạn thời gian khai thác số 15/GP-UBND ngày 14/5/2020 cho Công ty Phùng Hải. Đến ngày 14/9/2022, Sở Tài nguyên và môi trường đã ra Thông báo dừng hoạt động khai thác cát lòng sông Đà đối với Công ty Phùng Hải.

Xác minh tại các doanh nghiệp đã mua hàng hóa, dịch vụ của Công ty Nam S

Xác minh tại 24 công ty sử dụng 219 hóa đơn của Công ty Nam S, hàng hóa ghi trên hóa đơn là cát các loại với tổng tiền hàng là 21.124.872.500 đồng, thuế GTGT là 2.104.222.500 đồng, tổng tiền phải thanh toán là 23.229.095.000 đồng, gồm các công ty sau:

STT	Tên người mua	MST	Số lượng hóa đơn	DS chưa thuế	Thuế GTGT	Tổng cộng
1	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THỊNH PHÁT HT	0801302838	1	66,000,000	6,600,000	72,600,000
2	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐẠI AN	5701838906	1	72,000,000	7,200,000	79,200,000
3	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN YÊN HƯNG	5700524417	1	75,000,000	7,500,000	82,500,000
4	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HOÀNG GIA HƯNG	5702090652	1	104,000,000	10,400,000	114,400,000
5	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI YẾN TRUNG	5701467899	3	107,000,000	10,700,000	117,700,000
6	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG 195	5701922812	3	164,650,000	16,465,000	181,115,000
7	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK HOÀNG BẢO HÙNG	5701782523	2	180,000,000	18,000,000	198,000,000
8	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP KIM THÀNH	5701469825	1	182,000,000	18,200,000	200,200,000
9	CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG THÀNH HƯNG	0801206570	3	192,700,000	17,672,000	210,372,000
10	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT BÊ TÔNG BA CHẼ	5702110179	4	307,450,000	30,745,000	338,195,000
11	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÍ ĐỨC	5701923421	5	321,800,000	32,180,000	353,980,000

12	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐĂNG MINH	5701912645	9	378,000,000	37,800,000	415,800,000
13	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI 27-7 ĐÔNG TRIỀU	5700472670	5	407,000,000	40,700,000	447,700,000
14	CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐỨC CƯỜNG	5702087709	4	412,600,000	41,260,000	453,860,000
15	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG THÀNH NGA	5700510439	6	421,300,000	42,130,000	463,430,000
16	CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN THANH LOAN	5701044396	3	427,500,000	42,750,000	470,250,000
17	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THUẬN PHONG	5701993884	8	889,905,000	88,990,500	978,895,500
18	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DƯƠNG QUẢNG	5702064469	11	1,034,500,000	103,450,000	1,137,950,000
19	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TRUNG KIÊN	0801147205	15	1,085,500,000	108,550,000	1,194,050,000
20	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT HT86 BẮC GIANG	2400792875	30	1,233,337,500	116,667,000	1,350,004,500
21	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG GIANG VÂN ĐỒN	5701917650	13	1,249,470,000	124,947,000	1,374,417,000
22	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VẬN TẢI THƯƠNG MẠI NAM PHÁT	0901136849	24	2,460,370,000	246,037,000	2,706,407,000
23	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DUY	5702115547	40	3,413,450,000	341,345,000	3,754,795,000
24	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG - VẬN TẢI HƯNG HẢI CẨM PHẢ	5701805964	26	5,939,340,000	593,934,000	6,533,274,000
TỔNG CỘNG			**219**	**21,124,872,500**	**2,104,222,500**	**23,229,095,000**

Kết quả xác định các công ty này có mua hàng hóa, dịch vụ của Công ty Nam S gồm: cát các loại; số lượng, chủng loại, giá bán cát ghi trên hợp đồng và hóa đơn bán hàng đúng với thực tế phát sinh. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hợp đồng, hóa đơn bán hàng, thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng và bằng tiền mặt.

Ngày 21/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định số 1655/QĐ-CSKT-Đ5 trưng cầu giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Thuế khu vực VIII giám định về nội dung:

"1. 42 hóa đơn mà Trần Văn H mua của Công ty Nam Thắng, Công ty Nam Tùng, Công ty Cung Nhiên và Công ty Phùng Hải có phải là hóa đơn hợp pháp không?

2. Việc Công ty Nam S sử dụng 37 hóa đơn GTGT để kê khai và được khấu trừ thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào với tổng tiền thuế GTGT là 1.750.400.000 đồng có phải là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn không? Có phải là hành vi trốn thuế không?

3. Tổng số tiền thuế mà Công ty Nam S đã trốn không nộp vào ngân sách Nhà nước là bao nhiêu? Số tiền phải truy thu là bao nhiêu? Trốn những loại thuế gì?

4. Hành vi vi phạm của Công ty Nam S nêu trên được quy định tại những văn bản pháp luật nào?"

Ngày 10/4/2025, Chi cục Thuế khu vực VIII ban hành Kết luận giám định đối với Quyết định trưng cầu giám định số 1655/QĐ-CSKT-Đ5 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

- 42 số hóa đơn mà Trần Văn H mua của Công ty Nam Thắng, Công ty Nam Tùng, Công ty Cung Nhiên và Công ty Phùng Hải nêu trên là các hóa đơn, chứng từ khống (hóa đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hóa, dịch vụ không có thật) để hợp thức hóa việc mua 207.040m^3 cát các loại của các cá nhân không thành lập doanh nghiệp, không có hóa đơn, chứng từ quy định tại khoản 7, 8, 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Khoản 2, Điều 4 Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ.

Việc Công ty Nam S sử dụng 37 hoá đơn GTGT đầu vào mua của Công ty Nam Thắng, Công ty Nam Tùng, Công ty Cung Nhiên, với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế là: 17.504.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là: 1.750.400.000 đồng để hợp thức hóa hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn, chứng từ và kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào trên các hồ sơ khai thuế là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ theo quy định tại khoản 7, 8, 9 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ

và là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 143 Luật quản lý thuế số: 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Công ty Nam S đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của 37 hóa đơn GTGT nêu trên với tổng số tiền thuế GTGT không đủ điều kiện khấu trừ là: 1.750.400.000 đồng tại các hồ sơ khai thuế từ Quý 3/2022, Quý 4/2022, Quý 1/2023, Quý 2/2023 và Quý 3/2023 làm giảm thuế GTGT phải nộp tổng số tiền là: 1.750.400.000 đồng. Số tiền thuế GTGT Công ty Nam S đã trốn không nộp Ngân sách nhà nước (từ Quý 3/2022 đến Quý 3/2023) là: 1.750.400.000 đồng.

Về thuế TNDN: Giám định viên tư pháp chưa có đủ cơ sở để xác định số nộp về thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Nam S liên quan đến hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn đối với các hóa đơn GTGT nêu trên.

Cơ quan điều tra đã thông báo Kết luận giám định cho những người liên quan về nội dung kết luận giám định nêu trên thì tất cả đều đồng ý, không ai có ý kiến đề nghị thắc mắc gì.

Tại cáo trạng số 61/CT-VKSYL ngày 25/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Trần Văn H về tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y luận tội đối với bị cáo Trần Văn H và giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm. Về hình phạt bổ sung: Cần phạt tiền bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự. Truy thu số tiền 1.750.400.000 đồng của Trần Văn H sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo Trần Văn H đã nộp được 905.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 11/4/2005 của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam và biên lai thu tiền số 0001355 ngày 17/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, số tiền còn lại phải truy thu tiếp của Trần Văn H là 845.400.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do có nhu cầu hợp thức hóa hàng hóa là 207.040 m^3 cát trôi nổi được mua từ các cá nhân không rõ thông tin, từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2024 Trần Văn H đã liên hệ và mua của người phụ nữ không rõ lai lịch 42 hóa đơn GTGT (không có hàng hóa thật kèm theo hóa đơn), cụ thể: Đơn vị mua hàng là Công ty Nam S, Công ty Duy Anh do Hà quản lý; đơn vị bán hàng là 04 công ty gồm: Công ty Nam Thắng, Công ty Nam Tùng, Công ty Cung Nhiên và Công ty TNHH Phùng Hải; ghi khống mặt hàng là cát các loại với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là: 19.444.000.000 đồng; tiền thuế GTGT là: 1.944.400.000 đồng; tổng số tiền phải thanh toán ghi trên 42 hóa đơn là 21.388.400.000 đồng. Trong 42 hóa đơn GTGT, Hà chỉ kê khai 41 hóa đơn và kê khai điều chỉnh giảm 04 hóa đơn. Như vậy, đối với 42 hóa đơn GTGT Hà mua có 05 hóa đơn GTGT (01 số hóa đơn không kê khai và 04 số hóa đơn kê khai điều chỉnh giảm) không được khấu trừ tiền thuế GTGT. Còn lại 37 hóa đơn với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 17.504.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.750.400.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 19.254.400.000 đồng và Hà được khấu trừ toàn bộ tiền thuế GTGT đầu vào là 1.750.400.000 đồng.

Hành vi trốn thuế bằng việc sử dụng hóa hóa đơn GTGT đầu vào khống sau đó kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào trên các hồ sơ khai thuế làm giảm thuế GTGT phải nộp tổng số tiền là: 1.750.400.000 đồng của bị cáo đã phạm vào tội "Trốn thuế". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế ...:*

a,...

d, Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

...

3.Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm."

Do đó bản cáo trạng số 61/CT-VKSYL ngày 25/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "Trốn thuế" theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm hoạt động thu, nộp thuế cho ngân sách Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để cải tạo, giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng. Về nhân thân, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là gia đình có công với nước, em trai ông nội của bị cáo là Liệt sỹ, bị cáo tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh Covid 19 và được chính quyền địa phương xác nhận.

Xét thấy bị cáo là người liên hệ mua hóa đơn mục đích để hợp thức 207.040m^3 cát bị cáo mua không có hóa đơn dẫn đến phạm tội. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải phạt tù giam đối với bị cáo mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách nhất định đối với bị cáo cũng đủ để răn đe cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho

xã hội cũng như không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm an toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Cần phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Đối với người phụ nữ bán hóa đơn cho Hà không rõ lai lịch. Hành vi mua bán các hóa đơn GTGT cho Trần Văn H với giá 10% tổng số tiền thanh toán có dấu hiệu của tội "in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước". Hành vi cung cấp tài liệu cho Trần Văn H bao gồm: bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn thời gian khai thác) có số 239/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 và bản sao Quyết định chủ chương đầu tư có số 239/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 qua điều tra xác định có dấu hiệu của tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; "sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tuy nhiên, căn cứ kết quả điều tra và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có trong vụ án, đến nay không có căn cứ xác định được tên, tuổi, địa chỉ và các thông tin cá nhân về người phụ nữ trên nên tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với chị Phạm Thị Ngọc D là vợ của Trần Văn H. Quá trình điều tra xác định Công ty Duy Anh do Trần Văn H thành lập và là người chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của công ty, chị D chỉ là người đứng tên giám đốc công ty, người đại diện pháp luật. Chị D không tham gia vào việc mua bán hàng hóa, không biết việc Trần Văn H mua hóa đơn GTGT của 04 Công ty nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với bà Trần Thị M là mẹ đẻ của Trần Văn H. Quá trình điều tra xác định Công ty Hồng Ánh do Trần Văn H thành lập và là người chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của công ty, bà M chỉ là người đứng tên giám đốc công ty, người đại diện pháp luật. Bà M không tham gia vào việc mua bán hàng hóa, không biết việc Trần Văn H mua hóa đơn GTGT của 04 Công ty nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Đ là kế toán cho Công ty Nam S và Công ty Duy Anh. Quá trình điều tra xác định, từ năm 2022 đến nay chị Đ làm kế toán cho Công ty Nam S và Công ty Duy Anh. Chị Đ được Trần Văn H giao tổng hợp hồ sơ, tài liệu phát sinh liên quan đến việc mua, bán hàng hóa, lập các sổ sách kế toán, báo cáo thuế theo quy định, soạn thảo hợp đồng mua bán và một số thủ tục liên quan khác, toàn bộ hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc thực hiện công tác kế toán do Trần Văn H đưa. Chị Đ không tham gia vào việc mua, bán hàng hóa của 02 Công ty mà do Trần Văn H trực tiếp thực hiện, việc Trần Văn H mua hóa đơn GTGT của 04 Công ty nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Đức Vinh, sinh năm 1992 trú tại xóm 12, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định là người đại diện pháp luật của Công ty Cung Nhiên. Quá trình điều tra xác định anh Vinh không làm thủ tục thành lập Công ty Cung Nhiên, không biết thông tin gì về Công ty Cung Nhiên, không có quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty Nam S, anh Vinh không biết lý do tại sao lại đứng tên đại diện pháp luật Công ty Cung Nhiên. Toàn bộ chữ ký mang tên anh Vinh trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và hợp đồng mua bán hàng ký giữa Công ty Cung Nhiên với Công ty Nam S không phải là chữ ký của anh Vinh nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Trần Thúy Hiền, sinh năm 1976, trú tại Ngõ 7, TDP4, phố Ao Sen, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là người đại diện pháp luật của Công ty Phùng Hải. Quá trình điều tra xác định từ trước đến nay chị Hiền không làm thủ tục thành lập Công ty Phùng Hải, không biết thông tin gì về Công ty Phùng Hải, không có quan hệ mua bán hàng hóa với Công ty Nam S, chị Hiền không biết lý do tại sao lại đứng tên đại diện pháp luật Công ty Phùng Hải. Chữ ký mang tên chị Trần Thúy Hiền trên hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và hợp đồng mua bán hàng ký giữa Công ty Phùng Hải với Công ty Nam S không phải là chữ ký của chị Hiền nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Công ty Nam Thắng là đơn vị bán hàng hóa, ghi khống hàng hóa không có thật để xuất hóa đơn GTGT cho công ty Nam S. Quá trình điều tra xác định Công ty không hoạt động tại trụ sở, người đại diện pháp luật là Nguyễn Văn Thăng không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Công ty Nam Tùng là đơn vị bán hàng hóa, ghi khống hàng hóa không có thật để xuất hóa đơn GTGT cho công ty Nam S. Quá trình điều tra xác định Công ty không hoạt động tại trụ sở, người đại diện pháp luật là Nguyễn Văn Hiếu thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[4]Về vật chứng của vụ án:

Số tiền 905.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn H đã tự nguyện giao nộp nộp để khắc phục hậu quả nên tịch thu, bổ sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 1.750.400.000 đồng là số tiền Công ty Nam S được khấu trừ tiền thuế ghi trên 37 hóa đơn thuế GTGT đầu vào (37 hóa đơn này là hóa đơn khống). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định Hà đã dùng toàn bộ số tiền được khấu trừ nêu trên để tiếp tục mua hàng hóa (cát) bán cho khách hàng. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp 905.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, do vậy cần

tiếp tục truy thu của bị cáo H số tiền còn lại là 845.400.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[5]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Trốn thuế".

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Trần Văn H 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền 1.750.400.000 (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng của Trần Văn H để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Trần Văn H đã nộp được 905.000.000 (Chín trăm linh năm triệu) đồng, (trong đó 500.000.000đ theo giấy nộp tiền ngày 11/4/2005 của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y và 405.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001355 ngày 17/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y), tiếp tục truy thu của Trần Văn H số tiền là 845.400.000 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
-VKSND huyện Y;
-VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
-Cơ quan THA hình sự,
Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
-Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Bình Thuận